

## BỘ CHUẨN ĐẦU RA ĐÀO TẠO

### BẠC CỬ NHÂN NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành theo Quyết định số ...640.../ QĐ-HVPNVN ngày ..8... tháng 11...năm 2019  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

#### 1. Tên ngành, mã ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Truyền thông đa phương tiện
- Tên tiếng Anh: Multimedia communication
- Mã ngành đào tạo: 7320104

#### 2. Trình độ đào tạo: Đại học

#### 3. Yêu cầu về kiến thức (KT)

##### 3.1. Kiến thức chung

KT1: Trình bày và giải thích được những nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng vào hoạt động truyền thông.

KT2: Hiểu biết về các vấn đề chính trị, xã hội liên quan đến môi trường hoạt động của ngành Truyền thông đa phương tiện.

KT3: Hiểu môi trường truyền thông của Việt Nam cũng như xu hướng truyền thông của thế giới; phân tích, tổng hợp được các nội dung cơ bản của ngành truyền thông đa phương tiện; biết cách giải thích các nội dung kiến thức chuyên sâu của ngành.

KT4: Nắm vững nguyên lý chung của hoạt động truyền thông đa phương tiện, bao gồm các kiến thức nền tảng về mỹ thuật, công nghệ thông tin, báo chí-truyền thông.

KT5: Giải thích và phân tích được những kiến thức về giới trong lĩnh vực truyền thông và đề xuất những thay đổi trong thiết kế và quảng bá sản phẩm truyền thông có nhạy cảm giới.

##### 3.2. Kiến thức chuyên ngành

###### 3.2.1. Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện:

KT6: Sinh viên có kiến thức chuyên sâu về ngành thiết kế đa phương tiện, kiến thức đồ họa ứng dụng, biết thiết kế và kinh doanh các ấn phẩm truyền thông, đồ họa, sản xuất phim hoạt hình, phim quảng cáo nhằm cung ứng cho các doanh nghiệp nói chung và xã hội nói riêng những sản phẩm ưu tú nhất.

###### 3.2.2. Chuyên ngành Báo chí đa phương tiện:

KT6: Sinh viên có kiến thức về hoạt động báo chí truyền thông, biết thu thập tin tức, viết bài, làm video, đồ họa ứng dụng vào sáng tạo các sản phẩm báo chí đa phương tiện; có kiến thức về tổ chức sản xuất chương trình truyền hình, tổ chức sự kiện, dẫn chương trình, lập kế hoạch truyền thông; biết sáng tạo và kinh doanh các sản phẩm truyền thông số.

#### **4. Yêu cầu về kỹ năng (KN)**

##### **4.1. Kỹ năng cứng (kỹ năng chuyên môn)**

KN1: Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức cơ bản trong truyền thông đa phương tiện như chụp ảnh, quay phim, biên tập audio và video, xử lý hình ảnh, đồ họa chuyển động để sáng tạo các sản phẩm truyền thông số.

KN2: Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định, đàm phán kinh doanh, thiết kế sản phẩm truyền thông.

KN3: Có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo và phát triển trong nghề nghiệp.

KN4: Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp và tin học ứng dụng trong ngành truyền thông đa phương tiện.

##### **4.1.1. Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện:**

KN5: Thiết kế được các sản phẩm phục vụ cho mục đích truyền thông, quảng cáo, xây dựng hình ảnh của các tổ chức, doanh nghiệp: Thiết kế website, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu và các loại poster quảng cáo, đồ họa 2D, đồ họa 3D, video quảng cáo, kỹ xảo đa phương tiện.

KN6: Xây dựng các bài giảng điện tử (E-learning) theo yêu cầu của Học viện và các khách hàng.

##### **4.1.2. Chuyên ngành Báo chí đa phương tiện:**

KN5: Sáng tạo nội dung tác phẩm báo chí đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết tác phẩm báo chí, thiết kế đồ họa, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm; sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm để tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông số.

KN6: Biết tổ chức và điều hành hoạt động truyền thông xã hội cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; lập kế hoạch truyền thông; xử lý khủng hoảng truyền thông; tổ chức hoạt động truyền thông như triển lãm, gây quỹ, tài trợ, họp báo.

##### **4.2. Kỹ năng mềm**

KN7: Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học.

KN8: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm.

KN9: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông.

KN10: Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân hợp lý.

## **5. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (NN)**

### **5.1. Yêu cầu chung**

- NN1: Có thể hiểu được ý chính khi tiếp thu (nghe, đọc) các ngôn bản chuẩn về những vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí v.v.
- NN2: Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh;
- NN3: Có thể tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc các đề tài phù hợp với mối quan tâm của cá nhân;
- NN4: Có thể mô tả những trải nghiệm và các sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão, đồng thời có thể lý giải cho các ý kiến và kế hoạch của mình.

### **5.2. Yêu cầu chi tiết**

#### *Yêu cầu về khả năng tiếp nhận ngôn ngữ*

- NN5 (Nghe): Có thể hiểu được ý chính của các diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các chủ đề thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí, v.v. Có thể hiểu ý chính của các chương trình truyền thanh, truyền hình về những vấn đề thời sự hoặc các chủ đề thuộc mối quan tâm hoặc lĩnh vực chuyên môn của cá nhân khi các chủ đề đó được trình bày chậm rãi và rõ ràng;
- NN6 (Đọc): Có thể hiểu các văn bản trong đó chủ yếu sử dụng ngôn ngữ thường ngày hoặc liên quan đến công việc. Có thể mô tả các sự kiện, cảm giác và mong muốn trong thư từ cá nhân.

#### *Yêu cầu về khả năng tương tác:*

- NN7 (Tương tác Nói): Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh. Có thể tham gia vào các cuộc hội thoại về các chủ đề quen thuộc, mà cá nhân quan tâm hoặc thường gặp hàng ngày (ví dụ: gia đình, sở thích, công việc, du lịch, thời sự) mà không cần chuẩn bị trước;
- NN8 (Tương tác Viết): Có thể viết thư trao đổi riêng tư, trong đó có thể mô tả các trải nghiệm và ấn tượng của mình.

#### *Yêu cầu về sản sinh ngôn ngữ*

- NN9 (Nói): Có thể liên kết các cụm từ một cách đơn giản để mô tả các trải nghiệm và sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão. Có thể lý giải ngắn gọn về các ý kiến và kế hoạch của mình. Có thể kể chuyện hoặc liên kết các mục của một cuốn sách hoặc các cảnh của một bộ phim và mô tả cảm nhận về những vấn đề đó;

- NN10 (Viết): Có thể tạo ra một văn bản có liên quan trực tiếp đến các chủ đề quen thuộc hoặc về những vấn đề quan tâm.

*Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh tương đương cấp độ B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:*

Chứng chỉ B1	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge exam	Kiểm tra đầu ra của Học viện
50	4.5	450 hoặc 133 CBT hoặc 45 iBT	450	Preliminary PET	50

*Các điểm số trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Sinh viên có một trong các chứng chỉ trên là đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh.*

## 6. Yêu cầu về năng lực tin học (IT)

- IT1: Có chứng chỉ tin học đạt chuẩn theo quy định của nhà nước hoặc đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra chất lượng đầu ra về công nghệ thông tin do Học viện tổ chức và được cấp giấy chứng nhận.

- IT2: Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Microsoft office (Word, Excel, Power Point); sử dụng thành thạo các phần mềm xử lý hình ảnh, biên tập, dựng video, thiết kế đồ họa, kỹ xảo; khai thác tài nguyên trên mạng internet và sử dụng một số hệ thống thư điện tử.

## 7. Yêu cầu về mức tự chủ và trách nhiệm (TC-TN)

- TCTN1: Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt, quản lý hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.

- TCTN2: Năng lực sáng tạo, năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- TCTN3: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- TCTN4: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- TCTN5: Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

- TCTN6: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

## 8. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có nhiều cơ hội lựa chọn các vị trí việc làm, cụ thể:

- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp như: Chuyên viên thiết kế đồ họa 2D, 3D; Chuyên viên thiết kế, xây dựng trò chơi điện tử; Chuyên viên sáng tạo, sản xuất phim hoạt hình, phim quảng cáo; Kỹ thuật viên dựng audio, video; Chuyên viên phát triển ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông; Quản lý dự án kinh doanh sản phẩm truyền thông; Chuyên viên phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện; Chuyên viên tổ chức chiến dịch truyền thông; Chuyên viên quảng cáo, marketing; Chuyên viên quan hệ công chúng; Chuyên viên truyền thông xã hội; Chuyên viên quản trị thương hiệu, quản trị truyền thông; Chuyên viên quản trị Cổng thông tin điện tử, quản trị Website của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tại các cơ quan báo chí - truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông: phóng viên, biên tập viên, người dẫn chương trình, đạo diễn, tổ chức sản xuất chương trình, cán bộ phụ trách tuyên truyền, chuyên viên quản lý nhà nước về báo chí.

- Khởi nghiệp và làm chủ doanh nghiệp chuyên sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

- Làm cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về lĩnh vực đa phương tiện tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo như trường Đại học, Cao đẳng, Trung tâm dạy nghề.

### **9. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Sinh viên có khả năng thích ứng với môi trường làm việc, có khả năng tự học để nâng cao năng lực làm việc.

- Tiếp tục học tập để nâng cao trình độ ở các bậc đào tạo cao hơn như: thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Truyền thông.

### **10. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Học viện tham khảo**

- Chuẩn đầu ngành Multimedia Technology tại Đại học Châu Á Thái Bình Dương (APU), Malaysia.

- Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- Chuẩn đầu ra của một số trường Đại học của Việt Nam (Học viện Báo chí & Tuyên truyền, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông- Đại học Thái Nguyên).

### **11. Ma trận chuẩn đầu ra (xem bảng ở cuối tài liệu)**

### **12. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra**

#### **12.1. Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra:**

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.
- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định.
- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.
- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

### **12.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra**

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN**



**TS. Trần Quang Tiến**



**MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

STT	Tên Học phần	Yêu cầu về Kiến thức (KT)						Yêu cầu về Kỹ năng (KN)										Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN)						
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KT 6	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	KN 10	TC TN 1	TC TN 2	TC TN 3	TC TN 4	TC TN 5	TC TN 6	
1.	Các môn lý luận chính trị	X	-	-	-	-	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.	Ngoại ngữ	-	X	X	-	-	X	-	-	-	-	-	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3.	Giáo dục thể chất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.	Giáo dục quốc phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.	Tiếng Việt thực hành	-	X	-	-	-	-	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6.	Tâm lý học truyền thông	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7.	Phương pháp nghiên cứu KH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8.	Tin học đại cương	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9.	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
10.	Kỹ năng giao tiếp	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11.	Kỹ năng tư duy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12.	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

STT	Tên Học phần	Yêu cầu về Kiến thức (KT)						Yêu cầu về Kỹ năng (KN)										Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN)									
		KT	KT	KT	KT	KT	KT	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	TC	TC	TC	TC	TC	TC
		1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TN1	2	3	4	5	6				
13.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	-	X	X	X	X	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	-	-	-	-	-	
14.	Cơ sở tạo hình	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
15.	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
16.	Giới và truyền thông đại chúng	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
17.	Pháp luật đại cương về truyền thông	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
18.	Mỹ thuật cơ bản	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
19.	Nhiếp ảnh	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
20.	Kỹ thuật ghi hình	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
21.	Lý thuyết và ngôn ngữ truyền thông	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
22.	Nghệ thuật đồ họa chữ	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
23.	Xử lý hình ảnh	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
24.	Biên tập audio và video	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
25.	Kiến tập 1	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
26.	Kịch bản truyền thông	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
27.	Truyền thông marketing tích hợp	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X



STT	Tên Học phần	Yêu cầu về Kiến thức (KT)						Yêu cầu về Kỹ năng (KN)										Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN)						
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KT 6	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	KN 10	TC TN 1	TC TN 2	TC TN 3	TC TN 4	TC TN 5	TC TN 6	
28.	Thiết kế nhận diện thương hiệu và poster quảng cáo	-	X	X	X	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	-
29.	Vẽ minh họa và thiết kế nhân vật	-	X	X	X	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	-
30.	Thiết kế giao diện website	-	X	X	X	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	-
31.	Sản xuất phim quảng cáo	-	X	X	X	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	-
32.	Quản lý dự án đa phương tiện	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X
33.	Kiến tập 2	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X
34.	Tổ chức sự kiện	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X
35.	Kinh doanh sản phẩm truyền thông số	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X
36.	Đồ họa ứng dụng	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	-
37.	Mỹ thuật nâng cao	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	-
38.	Nghiên cứu khoa học sinh viên	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X
39.	Đồ họa chuyên động 2D	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	X
40.	Thiết kế ấn phẩm truyền	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	X	X	X	X	X	-

STT	Tên Học phần	Yêu cầu về Kiến thức (KT)						Yêu cầu về Kỹ năng (KN)										Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN)									
		KT	KT	KT	KT	KT	KT	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	TC	TN	TC	TN	TC	TN	TC	TN
		1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TN1	2	3	4	5	6				
	thông																										
41.	Dựng hình 3D cơ bản	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
42.	Thiết kế đồ họa Game	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
43.	Kỹ xảo đa phương tiện	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
44.	Đồ họa chuyển động 3D	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
45.	Kỹ năng khai thác thông tin	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
46.	Biên tập tác phẩm báo chí	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
47.	Kỹ năng dẫn chương trình	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
48.	Kỹ năng viết cho truyền thông	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
49.	Tác phẩm báo chí đa phương tiện	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
50.	Chương trình và chiến dịch truyền thông	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
51.	Chuyên đề Thực tế chính trị xã hội	X	X	X	X	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
52.	Quan hệ công chúng	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
53.	Thiết kế hình hiệu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X



STT	Tên Học phần	Yêu cầu về Kiến thức (KT)						Yêu cầu về Kỹ năng (KN)										Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN)															
		KT	KT	KT	KT	KT	KT	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	TC	TN	TC	TN	TC	TN	TC	TN	TC	TN			
		1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TN1	2	3	4	5	6										
54.	Dựng hình 3D nâng cao	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
55.	Thực tập tốt nghiệp	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
56.	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	-	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

*Handwritten signature*